

TỈNH BẾN TRE

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2019.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Ánh Minh.

2. Ông Nguyễn Văn Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Châm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 96/2017/TLST-HNGĐ, ngày 19/3/2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 07/6/2019. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Diễm T, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Trú tại: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Xuân M, sinh năm 1991 (có mặt).

Trú tại: ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 19/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị Diễm T trình bày: chị và anh M do tự quen biết tìm hiểu nhau nên tự nguyện tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào tháng 5 năm 2016, sau đó có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1 vào tháng 7 năm 2017. Sau khi kết hôn, chị và anh M sống chung với gia đình anh M tại ấp T, xã T1 và sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì mất hạnh phúc do anh M thường hay nhậu nhẹt không chăm lo phát triển kinh tế gia đình, không quan

tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng chị thường xuyên cãi vã nhau, hơn nữa có lần anh M nhậu say kiểm chuyện vô cớ và có hành vi đánh đập chị. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay. Thời gian ly thân, chị và anh M có gặp nhau nhưng không có bàn bạc thỏa thuận hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nữa, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh M. Về con chung: thời gian sống chung, chị T và anh M có một con chung là cháu Võ Xuân T2 sinh ngày 11/8/2017; từ khi ly thân đến nay cháu T2 sống chung với chị tại nhà cha mẹ ruột của chị ở ấp T, xã H; sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là 700.000 đồng mỗi tháng. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Võ Xuân M trình bày: anh M thống nhất với lời trình bày của chị T về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, quá trình sống chung và có 01 con chung. Nhưng nguyên nhân chị T xin ly hôn có một số nội dung không đúng, bởi vì anh thừa nhận có thường hay nhậu nhẹt, vợ chồng có thường xuyên cãi vã nhau nhưng do lần thứ nhất chị T có thái độ xúc phạm cha mẹ ruột anh nên anh có đánh chị T 01 tát tay, lần thứ hai trong lúc nhậu say anh có đánh chị T 01 tát tay do anh nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Vợ chồng anh đã ly thân từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay. Thời gian ly thân, anh có đến nhà cha mẹ ruột chị T để rước chị T về sống chung nhưng chị T không đồng ý. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì anh muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ với nhau để lo cho con. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị T ly hôn thì sau khi ly hôn, anh đồng ý để chị T được trực tiếp nuôi con, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000 đồng theo yêu cầu của chị T. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Diễm T; về con chung: chị T được trực tiếp nuôi con là cháu Võ Xuân T2 sinh ngày 11/8/2017, anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000 đồng; về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Võ Thị Diễm T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Võ Thị Diễm T và anh Võ Xuân M trên cơ sở quen biết, tìm hiểu nhau nên cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 24/7/2017. Xét thấy, hôn nhân của chị T và anh M tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị T và anh M có thời gian sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc chị T xin ly hôn. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị T cho rằng: nguyên nhân chủ yếu vợ chồng mất hạnh phúc là do anh M thường hay nhậu nhẹt không chăm lo phát triển kinh tế gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng chị thường xuyên cãi vã nhau, hơn nữa có lần anh M nhậu say kiếm chuyện vô cớ và có hành vi đánh đập chị. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mời chị T và anh M đến Tòa án nhiều lần để tiến hành hòa giải hôn nhân của anh chị nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ anh M không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng với chị T; hơn nữa theo chị T và anh M trình bày: anh chị đã ly thân nhau từ tháng 11 năm 2018 và vẫn tiếp tục sống ly thân cho đến nay; thời gian ly thân, anh chị có gặp gỡ nhau nhưng không bàn bạc thỏa thuận hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau được. Tại phiên tòa, anh M cũng thừa nhận là anh có thường hay nhậu nhẹt, vợ chồng anh thường xuyên cãi vã nhau, anh có đánh chị T bằng tát tay 02 lần. Ngoài ra, theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp giữa chị T và anh M là do anh chị thường hay cãi vã nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: chị T và anh M là vợ chồng nhưng anh chị không quan tâm, giúp đỡ nhau để tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt mà vẫn tiếp tục sống ly thân, bỏ mặc nhau; anh M đã có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

[3] Về con chung: chị T và anh M có 01 con chung là cháu Võ Xuân T2, sinh ngày 11/8/2017. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000 đồng. Tại phiên tòa, anh M cũng đồng ý để chị T được trực tiếp nuôi cháu T2 và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: hiện tại cháu Võ Xuân T2 sống chung với chị T, cháu T2 vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho sự phát triển về thể chất và sự phát triển tốt về tinh thần cho cháu T2 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con của chị T và anh M: giao cháu T2 cho chị T được trực tiếp

nuôi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, anh M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T2 mỗi tháng là 700.000 đồng cho đến khi cháu T2 tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: chị T và anh M đều trình bày là không có nên không đề cập.

[5] Về nợ chung: chị T và anh M đều trình bày là không có nên không đề cập.

[6] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị T phải chịu do chị T yêu cầu ly hôn; án phí cấp dưỡng: anh M phải chịu do anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Diễm T. Chị Võ Thị Diễm T được ly hôn với anh Võ Xuân M.

Về con chung: chị Võ Thị Diễm T được trực tiếp nuôi con chung là cháu Võ Xuân T2, sinh ngày 11/8/2017, hiện nay cháu T2 đang sống chung với chị T; anh Võ Xuân M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng: tính từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi cháu T2 tròn 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng: mỗi tháng cấp một lần.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: chị T và anh M trình bày là không có nên không đề cập.

Về nợ chung: chị T và anh M trình bày là không có nên không đề cập.

Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Võ Thị Diễm T phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000531 ngày 19/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên chị không còn phải nộp thêm. Án phí cấp dưỡng: anh Võ Xuân M phải nộp 300.000 đồng.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã T1;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Đạt